



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP  
VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA  
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2017**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Hồ Sỹ Hoàng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Hoàn	Ủy viên
Ông Hà Quốc Hải	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Phạm Mạnh Cường	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Duy Hưng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Đức Đông	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Hồ Sỹ Hoàng	Giám đốc
Ông Hà Quốc Hải	Phó Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Giám đốc
Ông Phùng Văn Công	Phó Giám đốc
Ông Ngô Văn Tuy	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



**Hồ Sỹ Hoàng**  
**Giám đốc**

*Ngày 14 tháng 8 năm 2017*

11/11/2017 14:00:10

Số: 261 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 và 12 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản mục chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang gồm 393.626.182.269 VND là chi phí đầu tư của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và chi phí xây dựng cơ bản dở dang gồm 14.081.452.138 VND là chi phí đầu tư ban đầu của các công trình cao ốc văn phòng 35D và 35K, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình làm thủ tục xin gia hạn, chuyển đổi mục đích sử dụng và quyền sử dụng đất các dự án trên. Theo đó, việc các tài sản này của Công ty có thể mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai hay không phụ thuộc vào các quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Vũng Tàu và các cơ quan có thẩm quyền liên quan. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục soát xét liên quan đến quyền sử dụng đất của Công ty đối với các dự án trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải ghi nhận chi phí đối với giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư ban đầu của các dự án trên hay không.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

- Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, trong năm 2016, Công ty thực hiện chuyển nhượng một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại lô đất 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và ghi nhận thu nhập khác với số tiền là 4.988.704.545 VND. Tại thời điểm chuyển nhượng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã hết hạn. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình làm thủ tục xin gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất này cho người mua. Theo đó, việc chuyển quyền sử dụng cho người mua thành công hay không phụ thuộc vào các quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Vũng Tàu và các cơ quan có thẩm quyền liên quan. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét liên quan đến việc chuyển quyền sử dụng đất này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh lợi nhuận chưa phân phối của kỳ trước và các khoản mục có liên quan đến thu nhập từ thanh lý tài sản quyền sử dụng đất nêu trên hay không.

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu tại đoạn Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ nêu trên, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng là 45.000.000.000 VND tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu, chi nhánh ngân hàng đang tạm dừng thực hiện chi trả tiền gửi cho đến khi nhận được chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Công ty đánh giá rằng các khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0030-2013-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.173.721.812.524</b>	<b>1.071.787.969.575</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>46.235.965.100</b>	<b>57.543.689.737</b>
1. Tiền	111		1.235.965.100	4.543.689.737
2. Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	53.000.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>454.338.187.500</b>	<b>481.482.467.923</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	466.449.012.153	489.621.492.291
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.868.903.066	6.806.143.648
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	31.325.331.051	33.057.589.348
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(47.305.058.770)	(48.002.757.364)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>671.025.076.242</b>	<b>529.446.942.762</b>
1. Hàng tồn kho	141		671.025.076.242	529.446.942.762
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.122.583.682</b>	<b>3.314.869.153</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	598.653.053	1.582.914.100
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	208.024.424
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	1.523.930.629	1.523.930.629
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>61.990.149.112</b>	<b>167.241.224.608</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.859.051.518</b>	<b>37.157.983.780</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	31.859.051.518	37.157.983.780
- Nguyên giá	222		105.069.120.625	120.015.688.589
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.210.069.107)	(82.857.704.809)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.081.452.138</b>	<b>110.904.761.412</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	14.081.452.138	110.904.761.412
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>14.957.562.744</b>	<b>14.957.562.744</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.837.200.000	15.837.200.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(879.637.256)	(879.637.256)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.092.082.712</b>	<b>4.220.916.672</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	1.092.082.712	4.220.916.672
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.235.711.961.636</b>	<b>1.239.029.194.183</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>955.631.740.676</b>	<b>939.044.041.135</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>789.475.144.261</b>	<b>758.180.436.931</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	173.916.163.373	191.496.318.120
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	99.530.491.656	35.398.115.649
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	63.191.194.158	407.729.731
4. Phải trả người lao động	314		11.692.829.997	6.182.002.422
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	51.237.029.129	20.618.956.363
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	91.461.834.177	87.006.645.048
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	293.772.918.619	414.486.865.928
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	20	2.523.934.027	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.148.749.125	2.583.803.670
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>166.156.596.415</b>	<b>180.863.604.204</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	15	117.224.233.665	106.617.581.772
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	46.252.063.650	68.926.453.405
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	2.680.299.100	5.319.569.027
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>280.080.220.960</b>	<b>299.985.153.048</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>280.080.220.960</b>	<b>299.985.153.048</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		300.000.000.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.519.193.263	14.519.193.263
3. Lỗ lũy kế	421		(34.438.972.303)	(14.534.040.215)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(14.534.040.215)	-
- (Lỗ) kỳ này	421b		(19.904.932.088)	(14.534.040.215)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.235.711.961.636</b>	<b>1.239.029.194.183</b>

Nguyễn Thị Việt  
Người lập biểu

Lê Ngọc Hoàng  
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Hoàng  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Kỳ trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		219.636.370.413		267.024.702.734	
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	22	219.636.370.413		267.024.702.734	
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	218.478.923.278		231.368.089.881	
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.157.447.135		35.656.612.853	
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	986.919.710		1.065.408.420	
6. Chi phí tài chính	22		12.797.497.157		14.742.618.594	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.797.497.157		14.742.618.594	
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	12.736.973.780		15.526.334.892	
8. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		(23.390.104.092)		6.453.067.787	
9. Thu nhập khác	31	27	4.282.580.747		4.000	
10. Chi phí khác	32		797.408.743		54.550.189	
11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		3.485.172.004		(54.546.189)	
12. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(19.904.932.088)		6.398.521.598	
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-		1.285.117.481	
14. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(19.904.932.088)		5.113.404.117	
15. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(663)		170	

Nguyễn Thị Việt  
Người lập biểu

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Lê Ngọc Hoàng  
Kế toán trưởng



Hồ Sỹ Hoàng  
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(19.904.932.088)</b>	<b>6.398.521.598</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	4.077.397.913	4.381.903.885
Các khoản dự phòng	03	(813.034.494)	(596.760.696)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.269.021.723)	(3.216.712.082)
Chi phí lãi vay	06	12.797.497.157	14.742.618.594
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>(9.112.093.235)</b>	<b>21.709.571.299</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	124.873.312.715	121.764.585.181
Thay đổi hàng tồn kho	10	(141.578.133.480)	(53.257.227.538)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	159.878.048.910	48.274.341.832
Thay đổi chi phí trả trước	12	4.113.095.007	6.260.938.361
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.149.119.017)	(14.913.025.829)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(4.565.556.706)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(435.054.545)	(1.721.848.091)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>125.590.056.355</b>	<b>123.551.778.509</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	5.503.636.362	6.827.232.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	986.919.710	1.065.408.420
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>6.490.556.072</b>	<b>7.892.640.420</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	106.744.075.235	271.196.632.293
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(250.132.412.299)	(390.313.356.990)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(143.388.337.064)</b>	<b>(119.116.724.697)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(11.307.724.637)</b>	<b>12.327.694.232</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	57.543.689.737	78.916.392.024
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	46.235.965.100	91.244.086.256

  
 Nguyễn Thị Việt  
 Người lập biểu

  
 Lê Ngọc Hoàng  
 Kế toán trưởng



  
 Hồ Sỹ Hoàng  
 Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500832971 ngày 26 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND, tương ứng với 30.000.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017: 296 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 513).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công nghiệp dân dụng;
- Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu, cảng, đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ;
- Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp, năng lượng, sản xuất kinh doanh vật liệu;
- Đầu tư xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí; và
- Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Do đặc điểm hoạt động của Công ty chủ yếu làm trong lĩnh vực xây lắp, Công ty không có chu kỳ sản xuất kinh doanh cố định mà phụ thuộc vào từng hợp đồng, dự án mà Công ty thực hiện.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản đầu tư tài chính**

##### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty, tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty không có vật tư, hàng hóa tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất nên không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

##### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Kỳ này</b> <b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 12
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm lợi thế kinh doanh thể hiện giá trị chênh lệch sau khi đánh giá lại tài sản nhận vốn góp từ Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) được phân bổ vào các dự án của Công ty, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê tài sản, chi phí đền bù, giá trị công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng nêu trên được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### **Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả phát sinh từ các ước tính kế toán do chi phí tập hợp chưa đầy đủ tại ngày nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Các khoản chi phí trích trước này sẽ đảm bảo rằng công trình được tập hợp đầy đủ chi phí trong trường hợp các phần công việc của công trình đã hoàn thành nhưng chưa được quyết toán với nhà thầu phụ, nhà cung cấp hoặc các tổ đội thi công. Việc trích trước chi phí công trình tuân theo các quy định hiện hành về kế toán.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

901  
CỔ  
PHẦN  
DẦU  
KHÍ  
VIỆT  
NAM

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại liên quan đến lỗi chịu thuế tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 mà khoản lỗi này có thể được mang sang và bù trừ với lợi nhuận chịu thuế của 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗi do không chắc chắn về thu nhập chịu thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	71.950.385	71.950.385
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	4.471.739.352	4.471.739.352
Các khoản tương đương tiền (ii)	45.000.000.000	53.000.000.000
	<b><u>49.543.689.737</u></b>	<b><u>57.543.689.737</u></b>

- (i) Theo Quyết định số 6635/QĐ-CCT ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thuế thành phố Vũng Tàu, Công ty bị phong tỏa các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại một số ngân hàng thương mại để phục vụ cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế tại Kho bạc Nhà nước liên quan đến tiền phí trước bạ và tiền quyền sử dụng đất lô đất số 33A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chưa thanh toán là 51.591.972.315 VND. Theo đó, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm 576.009.057 VND là tiền gửi không kỳ hạn tại các tài khoản tiền gửi bị phong tỏa từ ngày 17 tháng 7 năm 2017 đến ngày 16 tháng 8 năm 2017. Công ty đã gửi Công văn số 652/CNDD-HĐQT ngày 18 tháng 7 năm 2017 đến Chi cục Thuế thành phố Vũng Tàu và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đề nghị thực hiện thanh toán một phần số tiền phải nộp trên bằng 45.000.000.000 VND là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa nhận được văn bản trả lời từ Chi cục Thuế thành phố Vũng Tàu và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu, chi nhánh ngân hàng đang tạm dừng thực hiện chi trả tiền gửi cho đến khi nhận được chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Theo Công văn số 676/TTGSNH1.m ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc đề nghị chuyển tiền trong tài khoản mở tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương gửi Ban kiểm soát đặc biệt Ngân hàng thương mại TNHH MTV Đại Dương để chỉ đạo việc thực hiện chi trả số tiền trên. Theo Công văn số 2560/2017/CV-OCEANBANK ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) phúc đáp Công văn số 534/CNDD-TCKT ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Công ty, Oceanbank tạm dừng việc chi trả cho khách hàng là tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước. Theo đó, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương đang chờ Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ phê duyệt để thực hiện việc chi trả. Ban Giám đốc đánh giá khoản tiền này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai, không có rủi ro tổn thất và theo đó không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>150.175.555.224</b>	<b>168.554.170.150</b>
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	59.255.054.042	66.449.244.842
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản HD	31.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái Sơn	21.759.494.013	33.759.494.013
Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	3.576.692.000	3.576.692.000
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.458.295.925	3.458.295.925
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	1.652.632.000	13.368.068.000
Các đối tượng khác	28.973.387.244	47.942.375.370
<b>b. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan)	<b>316.273.456.929</b>	<b>321.067.322.141</b>
	<b>466.449.012.153</b>	<b>489.621.492.291</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>9.877.811.051</b>	<b>10.743.312.287</b>
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	3.268.873.511
Tạm ứng	3.869.643.843	5.471.573.059
Phải thu khác	2.739.293.697	2.002.865.717
<b>b. Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan)	<b>21.447.520.000</b>	<b>22.314.277.061</b>
	<b>31.325.331.051</b>	<b>33.057.589.348</b>



**7. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (i)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (i)
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng theo đối tượng</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.300.469.925	924.249.329	27.300.469.925	924.249.329
Bệnh viện Việt Nam Cu Ba	3.819.490.482	-	3.819.490.482	-
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.458.295.925	-	3.458.295.925	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	-	8.917.182.475	4.127.188.003
Các khách hàng khác	9.045.508.969	-	4.036.853.505	-
<b>Phải thu ngắn hạn khác theo đối tượng</b>				
Công ty Cổ phần Điều dưỡng Du lịch Vũng Tàu	3.268.873.511	-	3.268.873.511	-
Các đối tượng khác	1.336.669.287	-	2.253.028.873	-
	<b>48.229.308.099</b>	<b>924.249.329</b>	<b>53.054.194.696</b>	<b>5.051.437.332</b>

(i) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.610.874.059	-	8.886.345.464	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	629.596.020.365	-	488.742.415.480	-
Hàng hóa bất động sản (ii)	31.818.181.818	-	31.818.181.818	-
	<b>671.025.076.242</b>	<b>-</b>	<b>529.446.942.762</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (*)	393.626.182.269	-	289.791.884.059	-
Công trình thi công một số hạng mục tại Nhà máy Nhiệt điện Long Hậu	79.586.657.220	-	54.334.506.056	-
Công trình Cao ốc hỗn hợp HH1 VietsovPetro	30.025.291.906	-	28.050.316.733	-
Công trình Trung tâm Phân tích thí nghiệm và Văn phòng Viện Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	26.884.258.255	-	25.042.140.891	-
Công trình Chung cư Long Sơn Riverside	38.672.262.267	-	20.209.717.369	-
Công trình thi công một số hạng mục tại Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Thanh Hóa	18.748.780.171	-	44.324.982.356	-
Công trình thi công một số hạng mục Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, tỉnh Thái Bình	16.945.940.886	-	2.464.747.707	-
Công trình Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	5.126.400.261	-	5.154.040.261	-
Công trình Âu tàu và Trung tâm điều khiển âu tàu Rạch Chanh	-	-	6.690.092.990	-
Các công trình khác	19.980.247.130	-	12.679.987.058	-
	<b>629.596.020.365</b>	<b>-</b>	<b>488.742.415.480</b>	<b>-</b>

(\*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A đường 30/4, thành phố Vũng Tàu bao gồm lợi thế kinh doanh được phân bổ trên cơ sở mục đích sử dụng của thửa đất và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện dự án. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc phân bổ lợi thế kinh doanh vào dự án này sẽ được quyết toán vào giá trị công trình trong tương lai.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất thuộc dự án này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

- (i) Theo Quyết định số 6635/QĐ-CCT ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thuế thành phố Vũng Tàu, Công ty bị phong tỏa các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại một số ngân hàng thương mại để phục vụ cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế tại Kho bạc Nhà nước liên quan đến tiền phí trước bạ và tiền quyền sử dụng đất lô đất số 33A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chưa thanh toán là 51.591.972.315 VND. Theo đó, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm 576.009.057 VND là tiền gửi không kỳ hạn tại các tài khoản tiền gửi bị phong tỏa từ ngày 17 tháng 7 năm 2017 đến ngày 16 tháng 8 năm 2017. Công ty đã gửi Công văn số 652/CNDD-HĐQT ngày 18 tháng 7 năm 2017 đến Chi cục Thuế thành phố Vũng Tàu và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đề nghị thực hiện thanh toán một phần số tiền phải nộp trên bằng 45.000.000.000 VND là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa nhận được văn bản trả lời từ Chi cục Thuế thành phố Vũng Tàu và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu. Vì vậy, việc gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất phụ thuộc vào quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Vũng Tàu và các cơ quan có thẩm quyền liên quan. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất trên sẽ được phê duyệt trong tương lai.
- (ii) Hàng hóa bất động sản phản ánh quyền sử dụng đất dự án tại chung cư xã Hiệp Bình Chánh, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình đàm phán để chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Hải.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê tài sản	216.250.003	515.322.581
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	382.403.050	958.841.518
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	108.750.001
	<b>598.653.053</b>	<b>1.582.914.100</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.092.082.712	4.184.848.168
Chi phí đền bù khu đất số 35D đường 30/4	-	36.068.504
	<b>1.092.082.712</b>	<b>4.220.916.672</b>

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
		Số phải nộp/thu trong kỳ	Số đã thực nộp/thu trong kỳ	
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.523.930.629	-	-	1.523.930.629
	<b>1.523.930.629</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.523.930.629</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	24.941.901.840	12.076.140.025	12.865.761.815
- Thuế GTGT đầu ra	-	24.941.901.840	12.076.140.025	12.865.761.815
Các loại thuế khác	407.729.731	56.748.774.720	6.831.072.108	50.325.432.343
Thuế thu nhập cá nhân	407.729.731	238.550.533	328.072.108	318.208.156
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	56.507.224.187	6.500.000.000	50.007.224.187
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	<b>407.729.731</b>	<b>81.690.676.560</b>	<b>18.907.212.133</b>	<b>63.191.194.158</b>

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	16.299.859.621	77.081.254.981	21.622.590.907	5.011.983.080	120.015.688.589
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.852.383.815)	(3.553.883.292)	(540.300.857)	(14.946.567.964)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>16.299.859.621</b>	<b>66.228.871.166</b>	<b>18.068.707.615</b>	<b>4.471.682.223</b>	<b>105.069.120.625</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	8.097.654.582	54.084.454.030	15.979.740.505	4.695.855.692	82.857.704.809
Trích khấu hao trong kỳ	628.538.244	2.906.809.737	475.613.340	66.436.592	4.077.397.913
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.360.871.831)	(2.823.860.927)	(540.300.857)	(13.725.033.615)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.726.192.826</b>	<b>46.630.391.936</b>	<b>13.631.492.918</b>	<b>4.221.991.427</b>	<b>73.210.069.107</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	8.202.205.039	22.996.800.951	5.642.850.402	316.127.388	37.157.983.780
Tại ngày cuối kỳ	7.573.666.795	19.598.479.230	4.437.214.697	249.690.796	31.859.051.518

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 18.887.106.107 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 24.944.156.534 VND).

**12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Cao ốc văn phòng 35D đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (i)	7.358.452.138	7.358.452.138
Cao ốc văn phòng 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (i)	6.723.000.000	6.723.000.000
Khu du lịch Thanh Bình, phường 10, thành phố Vũng Tàu	-	96.823.309.274
	<b>14.081.452.138</b>	<b>110.904.761.412</b>

- (i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn tại 02 khu cao ốc văn phòng tại 35D và 35K đường 30/4, thành phố Vũng Tàu bao gồm lợi thế kinh doanh được phân bổ trên cơ sở mục đích sử dụng của các thửa đất và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện dự án. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc phân bổ lợi thế kinh doanh vào các dự án nêu trên sẽ được quyết toán vào giá trị công trình trong tương lai.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất các dự án trên. Việc gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất phụ thuộc vào quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Vũng Tàu. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất trên sẽ được phê duyệt trong tương lai.

**13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	50.000.000	-	50.000.000	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	2.890.000.000	(879.637.256)	2.890.000.000	(879.637.256)
Dự án chung cư Long Sơn Riverside (i)	12.897.200.000	-	12.897.200.000	-
	<b>15.837.200.000</b>	<b>(879.637.256)</b>	<b>15.837.200.000</b>	<b>(879.637.256)</b>

- (i) Công ty nhận chuyển nhượng khoản vốn góp trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" tại số 1351, đường Huỳnh Tấn Phát, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) để đối trừ công nợ phải thu từ Petroland. Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, các bên thống nhất hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" trên khu đất có diện tích 4.863 m<sup>2</sup> tại số 1351, đường Huỳnh Tấn Phát, thành phố Hồ Chí Minh. Khi dự án hoàn thành, các bên được phân chia sản phẩm và lợi nhuận tương ứng với giá trị vốn góp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" đang được Công ty thi công. Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản đối với khoản góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>164.139.721.851</b>	<b>164.139.721.851</b>	<b>182.203.393.307</b>	<b>182.203.393.307</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Đại Dương	13.470.268.377	13.470.268.377	11.564.446.720	11.564.446.720
Công ty TNHH Kỹ nghệ Toàn Tâm	10.095.467.040	10.095.467.040	3.906.559.040	3.906.559.040
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí OSC	3.863.665.520	3.863.665.520	11.540.286.746	11.540.286.746
Các đối tượng khác	136.710.320.914	136.710.320.914	155.192.100.801	155.192.100.801
<b>b. Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan)</b>	<b>9.776.441.522</b>	<b>9.776.441.522</b>	<b>9.292.924.813</b>	<b>9.292.924.813</b>
	<b>173.916.163.373</b>	<b>173.916.163.373</b>	<b>191.496.318.120</b>	<b>191.496.318.120</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>4.441.361.785</b>	<b>14.854.816.879</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Dược Nanogen	2.737.101.776	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang	1.204.344.000	1.204.344.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	-	12.972.630.000
Các đối tượng khác	499.916.009	677.842.879
<b>b. Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan)	<b>95.089.129.871</b>	<b>20.543.298.770</b>
	<b>99.530.491.656</b>	<b>35.398.115.649</b>
<b>c. Dài hạn</b>	<b>117.224.233.665</b>	<b>25.819.968.199</b>
Người mua trả tiền trước mua chung cư, sàn thương mại tại tòa nhà 33A, đường 30/4	117.224.233.665	25.819.968.199
<b>d. Người mua trả tiền trước dài hạn là các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan)	-	<b>80.797.613.573</b>
	<b>117.224.233.665</b>	<b>106.617.581.772</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Chi phí phải trả của các công trình xây lắp do Công ty thực hiện	51.237.029.129	20.618.956.363
	<b>51.237.029.129</b>	<b>20.618.956.363</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Đại Hải	26.760.000.000	26.760.000.000
Cổ tức phải trả	24.000.000.000	24.000.000.000
Nhận đặt cọc giữ chỗ mua căn hộ	19.080.000.000	14.390.000.000
Phải trả phí bảo trì Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh	3.963.347.899	5.443.202.100
Lãi vay dự trả	3.485.759.963	2.837.381.823
Kinh phí công đoàn	612.063.135	557.198.759
Bảo hiểm xã hội	364.133.317	180.965.825
Các khoản khác	13.196.529.863	12.837.896.541
	<b>91.461.834.177</b>	<b>87.006.645.048</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DẦU KHÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Vay ngắn hạn</b>						
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu (i)	229.224.850.675	229.224.850.675	32.931.759.874	104.363.188.220	157.793.422.329	157.793.422.329
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu (ii)	10.188.228.335	10.188.228.335	27.576.146.642	13.758.228.335	24.006.146.642	24.006.146.642
Vay cá nhân (iii)	48.850.000.000	48.850.000.000	15.000.000.000	28.762.693.295	35.087.306.705	35.087.306.705
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	100.206.535.829	100.206.535.829	-	100.206.535.829	-	-
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Vũng Tàu	3.041.766.620	3.041.766.620	-	3.041.766.620	-	-
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 19)</b>	<b>22.975.484.469</b>	<b>22.975.484.469</b>	<b>53.910.558.474</b>	-	<b>76.886.042.943</b>	<b>76.886.042.943</b>
	<b>414.486.865.928</b>	<b>414.486.865.928</b>	<b>129.418.464.990</b>	<b>250.132.412.299</b>	<b>293.772.918.619</b>	<b>293.772.918.619</b>

(i) Thể hiện các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 30192/HDHM/DN ngày 07 tháng 6 năm 2016. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 200.000.000 VND, bao gồm cho vay và cấp bảo lãnh, trong đó hạn mức cho vay không vượt quá 160.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động để thi công công trình và phát hành thư bảo lãnh trong nước. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất thả nổi, được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu từng thời kỳ và được quy định cụ thể trong từng kế ước. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức tín dụng này.
- Hợp đồng hạn mức tín dụng số 30168.01/PL-HDTHM-Dn/DN ngày 07 tháng 6 năm 2016. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 150.000.000 VND, bao gồm cho vay và cấp bảo lãnh, trong đó hạn mức cho vay không vượt quá 120.000.000 VND. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động để thi công công trình và phát hành thư bảo lãnh trong nước. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất thả nổi, được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Vũng Tàu từng thời kỳ và được quy định cụ thể trong từng kế ước. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức tín dụng này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG ĐẦU KHÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

(ii) Thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1167.14.551.687848.TD.DN ngày 30 tháng 12 năm 2014 và phụ lục hợp đồng tín dụng ký vào tháng 01 năm 2016. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 100.000.000.000 VND. Khoản vay này có tài sản đảm bảo bằng các khoản phải thu theo Hợp đồng Bảo đảm số 670.14.551.687848.TC.DN ngày 12 tháng 11 năm 2014 và 013.14.551.687848, đồng thời, Công ty cũng dùng mọi nguồn thu phát sinh từ Dự án, phương án sử dụng vốn vay, các nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và toàn bộ số tiền có trên tài khoản của Công ty tại Ngân hàng để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Công ty trong toàn bộ thời gian hiệu lực của hợp đồng này. Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân.

(iii) Thể hiện các khoản vay các cá nhân theo các Hợp đồng từ số 01 tới số 26/2016/HĐVT-PVC-IC từ các cá nhân trong và ngoài công ty. Các khoản vay này có thời hạn dưới 12 tháng và chịu lãi suất từ 5,5% - 10,5%/năm và lãi vay trả cuối kỳ tại thời điểm hết hạn khoản vay. Mục đích của các khoản vay là bổ sung vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty và không có tài sản đảm bảo.

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiêu	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (i)	91.901.937.874	91.901.937.874	31.236.168.719	-	123.138.106.593	123.138.106.593
<b>Cộng</b>	<b>91.901.937.874</b>	<b>91.901.937.874</b>	<b>31.236.168.719</b>	<b>-</b>	<b>123.138.106.593</b>	<b>123.138.106.593</b>
<i>Số phải trả trong vòng 12 tháng</i>	22.975.484.469				76.886.042.943	
<i>Số phải trả sau 12 tháng</i>	68.926.453.405				46.252.063.650	

(i) Thể hiện khoản vay trung và dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng số 35/2016/HĐCVDA/PVB-CNBRVT ngày 25 tháng 11 năm 2016 với hạn mức tín dụng là 150 tỷ VND với mục đích cho vay thanh toán tiền sử dụng đất là 50 tỷ VND và cho vay thi công dự án là 100 tỷ VND. Đây là khoản cấp tín dụng không có tài sản đảm bảo. Thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 06 tháng. Lãi suất được quy định ở từng khế ước nhận nợ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	76.886.042.943	22.975.484.469
Trong năm thứ hai	46.252.063.650	45.950.968.936
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	22.975.484.469
	<b>123.138.106.593</b>	<b>91.901.937.874</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở Thuyết minh số 18)	76.886.042.943	22.975.484.469
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>46.252.063.650</b>	<b>68.926.453.405</b>

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng		
- Công trình lọc hóa dầu Nghi Sơn	2.523.934.027	-
	<b>2.523.934.027</b>	<b>-</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng		
- Công trình Chung cư 242 Nguyễn Hữu Cảnh, thành phố Vũng Tàu	2.680.299.100	2.680.299.100
- Công trình lọc hóa dầu Nghi Sơn	-	2.639.269.927
	<b>2.680.299.100</b>	<b>5.319.569.027</b>

Các khoản dự phòng bảo hành công trình phản ánh ước tính chính xác nhất của Ban Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành từ 12 tháng đến 60 tháng mà Công ty áp dụng đối với các công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng, dựa trên cơ sở về xác suất các công trình gặp phải sự cố và chi phí mà Công ty phải bỏ ra sau thời điểm bàn giao công trình đưa vào sử dụng.

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế) (i)	Tổng cộng
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	11.409.402.716	31.097.905.465	342.507.308.181
Lỗ trong năm	-	-	(14.534.040.215)	(14.534.040.215)
Trích lập các quỹ	-	3.109.790.547	(7.097.905.465)	(3.988.114.918)
Chia cổ tức	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>14.519.193.263</b>	<b>(14.534.040.215)</b>	<b>299.985.153.048</b>
Lỗ trong kỳ	-	-	(19.904.932.088)	(19.904.932.088)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>14.519.193.263</b>	<b>(34.438.972.303)</b>	<b>280.080.220.960</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

- (1) Trong năm 2016, Công ty thực hiện chuyển nhượng một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại lô đất 35D, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và ghi nhận thu nhập khác với số tiền là 4.988.704.545 VND. Tại thời điểm chuyển nhượng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đã hết hạn. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình làm thủ tục xin gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất này cho người mua. Theo đó, việc chuyển quyền sử dụng cho người mua thành công hay không phụ thuộc vào các quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Vũng Tàu và các cơ quan có thẩm quyền liên quan. Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc gia hạn và chuyển quyền sử dụng đất trên sẽ được phê duyệt trong tương lai.

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 300.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	153.000.000.000	51	153.000.000.000	153.000.000.000
Các cổ đông khác	147.000.000.000	49	147.000.000.000	147.000.000.000
	<b>300.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	118.219.254.986	257.839.479.350
Doanh thu hoạt động khác (i)	101.417.115.427	9.185.223.384
	<b>219.636.370.413</b>	<b>267.024.702.734</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ từ các bên liên quan</b> (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan)	<b>69.158.796.807</b>	<b>209.731.645.999</b>

- (i) Bao gồm 97.258.805.675 VND là doanh thu từ chuyển nhượng dự án Khu du lịch Thanh Bình, phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	118.857.962.947	229.483.767.732
Giá vốn hoạt động khác (i)	99.620.960.331	1.884.322.149
	<b>218.478.923.278</b>	<b>231.368.089.881</b>

(i) Bao gồm 96.823.309.274 VND là giá vốn của dự án Khu du lịch Thanh Bình, phường 10, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	91.917.122.285	123.084.500.579
Chi phí nhân công	54.391.751.447	59.972.756.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.077.397.913	4.381.903.885
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.473.097.664	58.733.911.527
Chi phí bảo hành	115.335.900	596.760.696
Chi phí dự phòng	(697.698.594)	-
Chi phí khác bằng tiền	16.969.186.054	7.963.250.006
	<b>275.246.192.669</b>	<b>254.733.083.196</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	986.919.710	1.065.408.420
	<b>986.919.710</b>	<b>1.065.408.420</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	5.992.433.837	6.712.998.399
Hoàn nhập dự phòng	(697.698.594)	-
Chi phí quản lý khác	7.442.238.537	8.813.336.493
	<b>12.736.973.780</b>	<b>15.526.334.892</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.282.102.013	-
- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (i)	5.503.636.362	-
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.221.534.349	-
Khác	478.734	4.000
	<b>4.282.580.747</b>	<b>4.000</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện tại	-	1.285.117.481
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.285.117.481</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:		
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(19.904.932.088)</b>	<b>6.398.521.598</b>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>10.527.531</i>	<i>27.065.809</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(19.894.404.557)</b>	<b>6.425.587.407</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>1.285.117.481</b>

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lỗ tính thuế có thể được mang sang để bù trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp theo, tối đa là 05 năm kể từ thời điểm phát sinh khoản lỗ.

Năm	Tình trạng quyết toán thuế	Lỗ chịu thuế	Lỗ đã sử dụng	Lỗ hết hạn	Lỗ mang sang	Năm hết hạn
		VND	VND	VND	VND	
2016	Chưa quyết toán	14.441.529.904	-	-	14.441.529.904	2021
2017	Chưa quyết toán	19.894.404.557	-	-	19.894.404.557	2022
		<b>34.335.934.461</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>34.335.934.461</b>	

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong báo cáo tài chính giữa niên độ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai để sử dụng khoản lỗ tính thuế trên.

**29. (LỖ)/LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán (lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>(19.904.932.088)</b>	<b>5.113.404.117</b>
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (*) (VND)	-	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>(19.904.932.088)</b>	<b>5.113.404.117</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	30.000.000	30.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>(663)</b>	<b>170</b>

- (\*) Do Công ty có lỗ lũy kế nên không thực hiện xác định số quỹ khen thưởng, phúc lợi phải trích lập trong năm 2017. Đồng thời, tại báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2016, Công ty đã ước tính số tiền để trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 12% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (tương đương mức trích lập năm 2015) để giảm trừ vào lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông năm 2016 cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Tuy nhiên, theo Nghị quyết số 105/NQ-CNDD-ĐHĐCD ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Công ty không thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 do phát sinh lỗ trong năm.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc không thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 theo Nghị quyết nêu trên, cụ thể như sau:

	<b>Kỳ trước</b>	
	<b>Số đã báo cáo</b>	<b>Số trình bày lại</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>5.113.404.117</b>	<b>5.113.404.117</b>
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (*) (VND)	613.608.494	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>4.499.795.623</b>	<b>5.113.404.117</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	30.000.000	30.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>150</b>	<b>170</b>

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động:*

<b>Tên Công ty</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ của Công ty mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cùng Tập đoàn
Ban Quản lý Dự án xây dựng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Việt Nam	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	Cùng Tập đoàn

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>69.158.796.807</b>	<b>209.731.645.999</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	69.158.796.807	172.148.633.270
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	-	25.632.324.546
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	11.950.688.183
<b>Mua hàng và các dịch vụ khác</b>	<b>1.916.217.574</b>	<b>21.584.186.890</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	868.079.405	1.169.212.516
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	596.400.230	604.612.500
Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	451.737.939	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	-	16.130.563.279
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	-	3.165.263.149
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	383.228.743
Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí PTSC	-	131.306.703
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>5.053.785.722</b>	<b>-</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	5.053.785.722	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG DẦU KHÍ**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu kỳ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>316.273.456.929</b>	<b>321.067.322.141</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	251.701.391.586	247.518.908.321
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.300.469.925	27.300.469.925
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	2.166.446.100	9.424.446.100
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	9.387.628.964	9.387.628.964
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	6.917.182.475	8.917.182.475
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	9.190.803.043	8.909.151.520
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	7.541.190.210	7.541.190.210
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.068.344.626	2.068.344.626
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>21.447.520.000</b>	<b>22.314.277.061</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	21.447.520.000	21.447.520.000
Viện Dầu khí	-	866.757.061
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>9.776.441.522</b>	<b>9.292.924.813</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	4.955.993.883	4.955.993.883
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	2.775.388.658	2.775.388.658
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.180.476.673	957.243.564
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	259.778.108	259.778.108
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	195.228.500	195.228.500
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	409.575.700	121.792.100
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	27.500.000
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>95.089.129.871</b>	<b>20.543.298.770</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	74.963.346.869	73.228.777
Ban Quản lý Dự án xây dựng Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	17.612.939.300	17.534.920.300
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	1.667.742.597	1.667.742.597
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí	845.101.105	845.101.105
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	-	422.305.991
<b>Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>80.797.613.573</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	80.797.613.573
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>123.138.106.593</b>	<b>91.901.937.874</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	123.138.106.593	91.901.937.874

**Thu nhập của Ban Giám đốc:**

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.333.926.691	1.410.862.750

**31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản tương đương tiền bao gồm số tiền 45.000.000.000 VND là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu. Theo Công văn số 62/2015/CV-OCEANBANK ngày 20 tháng 5 năm 2015 của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank) phúc đáp Công văn số 554/CNDD-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Công ty, Oceanbank tạm dừng việc chi trả cho khách hàng là tổ chức kinh tế thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước.

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo Quyết định số 6635/QĐ-CCT ngày 11 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thuế thành phố Vũng Tàu, Công ty bị phong tỏa các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại một số ngân hàng thương mại từ ngày 17 tháng 7 năm 2017 đến ngày 16 tháng 8 năm 2017 để phục vụ cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế tại Kho bạc Nhà nước liên quan đến tiền phí trước bạ và tiền quyền sử dụng đất lô đất số 33A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chưa thanh toán là 51.591.972.315 VND. Công ty đã gửi Công văn số 652/CNDD-HĐQT ngày 18 tháng 7 năm 2017 đến Chi cục Thuế thành phố Vũng Tàu và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đề nghị thực hiện thanh toán một phần số tiền phải nộp trên bằng 45.000.000.000 VND là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty chưa nhận được văn bản trả lời từ Chi cục Thuế thành phố Vũng Tàu và Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu.

**33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Ban Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**34. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh của bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét.

  
Nguyễn Thị Việt  
Người lập biểu

  
Lê Ngọc Hoàng  
Kế toán trưởng

  
Hồ Sỹ Hoàng  
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2017